

Bản án số: 29/2024/DS - ST

Ngày: 29/8/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Tuấn.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Chu Quang Cường và bà Hoàng Thị Lý.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Bà Đào Giang Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 53/2024/TLST - DS ngày 17/6/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1949, vắng mặt.

Địa chỉ: Khối Q, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Bà Đậu Thị C, sinh năm 1957, vắng mặt.

Địa chỉ: Khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn bà Hồ Thị H trình bày:

Ngày 20 tháng 6 năm 2008 âm lịch, tức là ngày 22 tháng 7 năm 2008 dương lịch bà có cho bà Đậu Thị C vay số tiền gốc là 42.000.000 (bốn mươi hai triệu đồng). Giấy vay do bà C viết và ký tên. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/1 tháng. Quá trình vay thì bà C chưa trả cho bà khoản tiền gốc và lãi suất nào. Nay bà yêu cầu bà C trả nợ gốc là 42.000.000đ. Tiền lãi là: $42.000.000 \times 1,03 \% \times 193, 2 \text{ tháng} = 83.578.000$ đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 125.578.000 đồng.

Đây là khoản tiền tài sản riêng của bà. Bà không yêu cầu ông Đậu Sỹ T chồng bà C trả nợ. Vì ông T không viết, không ký vào giấy vay nợ. Khoản nợ tiền này cũng không liên quan đến chồng bà ông Hồ Sỹ V.

Quá trình xác minh khối trưởng khối Y, phường Q, thị xã H cung cấp: Ông Đậu Sỹ T, sinh năm 1954 và bà Đậu Thị C, sinh năm 1957 có hộ khẩu thường trú tại khối Y, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Hiện nay ông Đậu Sỹ T và bà Đậu Thị C đang cư trú, sinh sống tại địa phương, không cắt chuyển khẩu đến địa phương khác.

Bị đơn đã được Toà án đã tổng đạt các văn bản Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà Đậu Thị C không trình bày ý kiến. Toà án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Đậu Thị C nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đậu Thị C đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt. Bà Hồ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 121, 122, 124, 471, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Buộc bà Đậu Thị C trả cho bà Hồ Thị H tiền gốc 42.000.000 đồng và tiền lãi suất 83.578.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 125.578.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Đậu Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của BLDS năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Đậu Thị C chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Đậu Thị C có nơi cư trú tại phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai. Bị đơn bà Đậu Thị C đã được Toà án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Bà Hồ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2] Về số tiền vay nợ: Tòa án đã giao trách nhiệm cho bà Đậu Thị C trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chữ ký trong giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp nhưng bà C không trình bày. Bà Đậu Thị C đã từ bỏ quyền được trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy vay tiền, trả tiền do nguyên đơn cung cấp và lời khai của nguyên đơn xét thấy: Căn cứ vào giấy vay tiền gốc do nguyên đơn bà Hồ Thị H cung cấp thì có căn cứ

xác định: Ngày 20/6/2008 âm lịch bà Đậu Thị C có vay của bà Hồ Thị H số tiền gốc 42.000.000đ. Giấy vay do bà C viết và bà C ký tên. Xét tại thời điểm vay hai bên đều đủ năng lực, hình thức của giấy vay tiền phù hợp với quy định pháp luật nên có căn cứ xác định giấy vay tiền là có hiệu lực pháp luật, hợp đồng vay tài sản trên là vay có lãi, không có kỳ hạn. Quá trình vay bà Đậu Thị C chưa trả cho bà H khoản tiền gốc và lãi suất nào. Bà Hồ Thị H không yêu cầu ông Đậu Sỹ T chồng của bà Đậu Thị C trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khoản nợ này bà H cũng trình bày không liên quan đến chồng bà là ông Hồ Sỹ V.

[3] Xét nội dung về lãi suất: Nội dung giấy vay tiền ghi nhận Ngày 20/6/2008 âm lịch tức là ngày 22/7/2008 bà C vay của bà H gốc là 42.000.000 đồng với lãi 2%/ tháng, tức là lãi 24%/ năm, không thỏa thuận về thời hạn trả nợ. Nền giấy vay tiền này đang được thực hiện, lãi suất thời điểm thỏa thuận vượt quá 20%/năm theo Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (NQ 01/2019) thì *“Hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14-6-2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết”*. Căn cứ vào Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân Hàng N công bố cho vay tương ứng, tức không vượt quá 1.75%/tháng tại thời điểm 01/8/2008. Lãi suất hai bên thỏa thuận theo giấy vay đã vượt quá quy định cho phép. Tuy nhiên, nguyên đơn đã yêu cầu từ 22/7/2008 đến 29/8/2024 với lãi suất 1,03% /tháng, phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính từ 22/7/2008 đến 29/8/2024 với lãi suất 1,03% /tháng.

[4] Về số tiền phải trả: Nay bà H khởi kiện yêu cầu buộc bà C trả tiền gốc 42.000.000 đồng và và tiền lãi tính từ ngày 22/7/2008 đến 29/8/2024 là 193, 2 tháng với lãi suất 1,03% /tháng được 83.578.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi suất là 125.578.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Bà Đậu Thị C là người cao tuổi được miễn án phí nhưng bà C không có đơn đề nghị miễn án phí nên cần buộc bà Đậu Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 121, 122, 124, 471, 476, 477 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Buộc bà Đậu Thị C trả cho bà Hồ Thị H tiền gốc 42.000.000 đồng và tiền lãi suất 83.578.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 125.578.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Đậu Thị C phải chịu 6.278.500đ (Sáu triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTX Hoàng Mai;
- Chi cục THADSTX Hoàng Mai;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn